TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 443/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 5 - 2023
"V/v Ly hôn giữa bà Phước và ông Chánh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm

2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Linh T - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm: 1983

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A (số cũ: 348) đường T, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở hiện nay: 339 đường L, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn C, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Số A (số cũ: 348) đường T, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày: Bà Lê Thị P và ông Đỗ Văn C chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn Quyển số 01/06 ngày 24/02/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng với bố mẹ của ông C tại địa chỉ 1 đường T, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2015 nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống giữa vợ chồng không phù hợp dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra gây gổ cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 30/3/2022, bà Phước đã bỏ về nhà mẹ đẻ của mình ở địa chỉ C đường L, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và kể từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay, bà Phước nhận thấy thời gian ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà Phước yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà Lê Thị P và ông Đỗ Văn C có 02 người con chung Đỗ Phương T1, sinh ngày: 21/11/2006 và Đỗ Phú Q, sinh ngày: 15/11/2011. Bà Phước đề nghị giao 02 con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung: Bà Phước không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Bà Phước xác nhận vợ chồng không có công nợ chung.

Bị đơn ông Đỗ Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tự khai và hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông C luôn vắng mặt nên không có lời khai, đồng thời Tòa án cũng không thể tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị P được ly hôn với ông Đỗ Văn C và giao 02 con chung Đỗ Phương T1, sinh ngày: 21/11/2006 và Đỗ Phú Q, sinh ngày: 15/11/2011 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Bà Lê Thị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Văn C và đề nghị giao hai con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Như vậy, quan hệ tranh chấp ở đây là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Đỗ Văn C có

địa chỉ cư trú tại 11/11 (số cũ: 348) đường T, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] *Về sự có mặt của đương sự:* Ông Đỗ Văn C (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đỗ Văn C.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:* Trong vụ án này Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn cũng như về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị P và ông Đỗ Văn C chung sống với nhau từ năm 2005 trên cơ sở cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn Quyển số 01/06 ngày 24 tháng 02 năm 2006 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phước và ông C là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, theo bà Phước xuất phát là do tính tình, quan điểm sống giữa vợ chồng không phù hợp, làm cho vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến hay xảy ra gây gổ cãi vã nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 30/3/2022 và bà Phước đã bỏ về nhà mẹ đẻ của mình sinh sống cho đến nay. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an P1, quận T về tình trạng nơi cư trú của ông C như sau: *"Ông Đỗ Văn C có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại 1 T, Phường D, quận T"*. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên hòa giải nhưng ông C luôn vắng mặt, cho thấy ông C không có thiện chí hòa giải để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã xảy ra từ lâu và nghiêm trọng như bà Phước trình bày là có thật.

Ngoài ra, tại Văn bản số 80/UBND ngày 22/02/2023, Ủy ban nhân dân Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời: *"Theo thông tin do Cảnh sát khu vực cung cấp, hai vợ chồng ông C và bà Phước cư ngụ tại địa chỉ số A T, Phường D, quận T từ tháng 01/2006, tuy nhiên hiện bà Phước không còn cư ngụ tại địa chỉ này. Trước đây hai vợ chồng ông C và bà Phước có mâu thuẫn nhưng không có thông tin cụ thể mâu thuẫn về vấn đề gì. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân phườnD cũng không nhận được đơn phản ánh gì liên quan đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ông C và bà Phước"*.

Như vậy, đã đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Phước và ông C đã trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt, việc duy trì hôn nhân giữa hai người chỉ còn trên danh nghĩa. Vì vậy, với yêu cầu xin ly hôn của bà Phước là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị P có nguyện vọng giao hai con chung Đỗ Phương T1, sinh ngày: 21/11/2006 và Đỗ Phú Q, sinh ngày: 15/11/2011 cho ông Đỗ Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án, thể hiện giữa bà Phước và ông C không có sự thỏa thuận về việc nuôi con chung. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, phía ông C vắng mặt không có lời khai nên không rõ yêu cầu. Thời điểm hiện tại, cháu Phương T1 và cháu Phú Q đã trên 07 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng các cháu. Tại Bản tự khai ngày 09 tháng 02 năm 2023, cháu Phương T1 và cháu Phú Q trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn, vì vậy cần phải tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Cháu Phương T1 mới hơn 16 tuổi, còn cháu Phú Q mới hơn 11 tuổi, cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ.

Về điều kiện kinh tế để nuôi con chung, thấy rằng hiện tại ông C có chỗ ở ổn định và thực tế hiện nay hai cháu Phương T1 và Phú Q đang ở với bố tại địa chỉ 1 đường T, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; trong khi đó bà Phước đang phải ở nhờ nhà của mẹ đẻ mình. Từ đó, cho thấy ông P có điều kiện đầy đủ hơn về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt hơn bà Phước. Xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của trẻ, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần cũng như nguyện vọng của trẻ nên cần giao cháu Phương T1 và cháu Phú Q cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Đỗ Văn C đều vắng mặt nên không rõ yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này; nếu sau này một trong các bên có tranh chấp về cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[2.4] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Nếu bà Phước có đủ căn cứ cho rằng ông C không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Bà Phước không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Bà Phước xác nhận vợ chồng không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 69; khoản 1, khoản 3 Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị P và ông Đỗ Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01/06 ngày 24 tháng 02 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung Đỗ Phương T1, sinh ngày: 21/11/2006 và Đỗ Phú Q, sinh ngày: 15/11/2011 cho ông Đỗ Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Bà Phước được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị P không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

1.4. Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Bà Lê Thị P xác nhận vợ chồng không có công nợ chung nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng, bà Lê Thị P phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ

(Ba trăm ngàn) đồng bà Phước đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2022/0008545 ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đỗ Văn C không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính